

Bản án số: 342/2019/DS-ST

Ngày: 13-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tuấn Nhu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Ông Vũ Trung Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Kim Chi, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 602/2018/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần X; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Vincom Center, số 72 đường T, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà 456 đường A, Phường F, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Ông Lê Văn Q; Chức danh: Tổng giám đốc.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Anh V, năm sinh 1983 (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 441/2018/EIB/UQ-SG-PXL ngày 16/8/2018).

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân N, năm sinh 1969 và bà Nguyễn Thị L, năm sinh 1983; Cùng địa chỉ: Số 1583A đường U, Phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có ông Trần Anh V - người đại hợp pháp trình bày: Ngày 30/10/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (viết tắt Ngân hàng X) ký với ông Lê Xuân N, bà Nguyễn Thị L (viết tắt ông N, bà L) hợp đồng tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 2206-LAV-201500236 với số tiền 160.000.000 đồng, mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 9%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu và được điều chỉnh từ tháng 13 trở đi theo định kỳ 01 tháng/lần. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng X đã giải ngân và ông N, bà L đã nhận nợ theo khế ước nhận nợ số 2206-LDS-201500328 ngày 30/10/2015.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông N, bà L đã thế chấp 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển số 51C-801.19, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D do ông N, bà L làm chủ sở hữu theo hợp đồng mua bán số 182.10/HĐMB/ASN/2015-1 ngày 01/10/2015 và giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 110433 cấp ngày 29/10/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng X được số tiền nợ gốc: 42.338.000 đồng, tiền nợ lãi: 15.992.682 đồng rồi ngưng, không tiếp tục thanh toán nữa. Do ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 02/02/2017, Ngân hàng X đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và nhiều lần liên hệ, gửi văn bản yêu cầu ông N, bà L thanh toán nhưng ông N, bà L vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 13/8/2019 ông N, bà L còn nợ của Ngân hàng X tổng số tiền 157.903.716 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 117.662.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 34.729.850 đồng, lãi quá hạn: 40.241.761 đồng. Nay Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L thanh toán số tiền nêu trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền nêu trên, Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến ngày trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Trường hợp ông N, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ là 01 xe ô tô nhãn hiệu TMT, biển số 51C-801.19, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D do ông N làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110433 cấp ngày 29/10/2015. Trường hợp đã phát mãi tài sản nhưng thu hồi không đủ để trả nợ thì ông N, bà L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Lê Xuân N, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N, bà L.

Tại phiên tòa;

Ông Trần Anh V - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Lê Xuân N, bà Nguyễn Thị L vắng mặt không lý do mặc dù đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L trả tổng số tiền 157.903.716 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 117.662.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 34.729.850 đồng, tiền nợ lãi quá hạn: 40.241.761 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền nêu trên, Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày Tòa án xét xử cho đến ngày trả dứt nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Trường hợp ông N, bà L không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển số 51C-801.19, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D do ông N làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 110433 cấp ngày 29/10/2015. Trường hợp đã phát mãi tài sản nhưng thu hồi không đủ để trả nợ thì ông N, bà L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L trả tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét ông N, bà L hiện cùng cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Ngân hàng X khởi kiện ông N, bà L tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét bị đơn ông N, bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N, bà L vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông N, bà L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông N, bà L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt ông N, bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L trả tiền nợ gốc còn thiếu 117.662.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng cấp tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 2206-LAV-201500236 ngày 30/10/2015; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 2206-LDS-201500328 thể hiện ông N, bà L đã vay và nhận đủ số tiền nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông N, bà L trả số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ.

[5] Xét Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc 117.662.000 đồng, tiền lãi phải trả từ ngày 01/02/2017 đến ngày 13/8/2019, trong đó lãi trong hạn 34.729.850 đồng, lãi quá hạn 5.511.911 đồng, tổng tiền lãi mà ông N, bà L còn nợ là 40.241.761 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng cấp tín dụng (Cho vay từng lần đối với khách hàng cá nhân) số 2206-LAV-201500236 ngày 30/10/2015 giữa Ngân hàng X và ông N, bà L đã thỏa thuận về mức lãi suất là 9%/năm trong 12 tháng đầu và từ tháng 13 trở đi sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông N, bà L trả số tiền nợ lãi nêu trên là có căn cứ.

[6] Xét sự thỏa thuận giữa Ngân hàng X và ông N, bà L tại hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

[7] Xét trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ hợp đồng thế chấp (Áp dụng trong trường hợp thế chấp PTVT) số 185/EIB-PXL/TCTS/2015 ngày 12/11/2015 giữa Ngân hàng X và ông N, bà L. Trong đó ông N, bà L cam kết trường hợp ông N, bà L không trả nợ hoặc trả không đủ thì bên nhận thế chấp

là Ngân hàng X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển số 51C-801.19, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D do ông N làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110433 cấp ngày 29/10/2015 để thu hồi nợ. Ngoài ra ông N, bà L cam kết trường hợp đã phát mãi tài sản thế chấp nhưng thu hồi không đủ để trả nợ thì ông N, bà L tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi hết nợ là có căn cứ.

[8] Xét ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng X yêu cầu ông N, bà L trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N, bà L phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng X được chấp nhận. Ngân hàng X được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 471; Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm;

Điều 91; Điều 95 và khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí, lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

1.1 Buộc ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X tổng số tiền: 157.903.761 (Một trăm năm mươi bảy triệu chín trăm lẻ ba nghìn bảy trăm sáu mươi một) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc 117.662.000 (Một trăm mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn) đồng; Tiền nợ lãi trong hạn 34.729.850 (Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi) đồng; Tiền nợ lãi quá hạn 5.511.911 (Năm triệu năm trăm mười một nghìn chín trăm mười một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ

quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng số 2206-LAV-201500236 ngày 30/10/2015. Trường hợp tại hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông N, bà L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Thời hạn và phương thức trả: Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L còn phải trả khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại hợp đồng cấp tín dụng số 2206-LAV-201500236 ngày 30/10/2015.

1.3 Ngay khi ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L trả hết tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110433 ngày 29/10/2015 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp mang tên ông Lê Xuân N tại địa chỉ: số 1583A đường U, Phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh biển số đăng ký: 51C-801.19, nhãn hiệu TMT, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D cho ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L.

1.4 Trường hợp ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110433 ngày 29/10/2015 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp mang tên ông Lê Xuân N tại địa chỉ: số 1583A đường U, Phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh biển số đăng ký: 51C-801.19, nhãn hiệu TMT, số khung 812TF1E00079, số máy QQ141244630D thuộc quyền sở hữu của ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp của ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L không đủ để trả nợ thì ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L tiếp tục có nghĩa vụ trả cho đến khi hết nợ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí 7.895.188 (Bảy triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi tám) đồng.

2.2 Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí 3.492.907 (Ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn chín trăm lẻ bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0037398 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Xuân N và bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Tuấn Nhu**